TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21-11-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thi Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Lẫy

Ông Vũ Văn Hóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải phòng tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2018 về " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 926/2018/QĐXX-STngày 15/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 987/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hữu L; nơi cư trú: Tổ 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, có mặt

Bị đơn: Bà Phạm Thị C; nơi cư trú: Tổ 2, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo Đơn khởi kiện ngày 25/6/2018, nguyên đơn ông Trần Hữu L trình bày: Ông và bà Phạm Thị C chung sống với nhau từ năm 1976 tại T, K, Hải Phòng nhưng không đăng ký kết hôn, do mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đến năm 1994, bà C chuyển về sống tại tổ 2, P, K, Hải Phòng và vợ chồng sống ly thân cho đến nay không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Ông L đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông L được ly hôn với bà C.

Con chung: Ông L và bà C có 03 con là Trần Hữu T, sinh năm 1978 (đã chết); Trần Thị H1, sinh năm 1981; Trần Thị H, sinh năm 199 các cháu đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông L không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Tài sản chung: Ông L không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 20/7/2018 và Đơn khởi kiện ngày 19/7/2018 bà C cho rằng: Bà và ông Trần Hữu L có đăng ký kết hôn năm 1976 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã K, do mâu thuẫn gia đình nên bà C và ông L đã sống ly thân từ năm 1994 cho đến nay, một mình bà C phải vất vả nuôi con là cháu Trần Thị H1 từ năm 13 tuổi và cháu Trần Thị H từ năm 03 tuổi mà ông L không có trách nhiệm nuôi dưỡng thăm nom 02 con. Ông L nói bà C và ông L không có đăng ký kết hôn là sai sự thật, Giấy đăng ký kết hôn do ông L quản lý hoặc đề nghị Tòa án xác minh làm rõ. Trong khi đó ông L đang chung sống như vợ chồng với bà Đoàn Thị Bông, ở tại tổ Thi Đua 1, T, K, Hải Phòng.

Con chung: Bà C và ông L có 03 con là Trần Hữu T, sinh năm 1978 (đã chết); Trần Thị H1, sinh năm 1981; Trần Thị H, sinh năm 1991 các cháu đã trưởng thành, có gia đình riêng.

Bà C không có ý kiến gì về con chung và tài sản chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử cơ bản đã tuân theo đúng quy định của pháp luật

Hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của ông L được ly hôn bà C.

Con chung: Ông L và bà C có 03 con chung là Trần Hữu T, sinh năm 1978 (đã mất), Trần Thị H1, sinh năm 1981 và Trần Thị H, sinh năm 1991, đã trưởng thành nên không giải quyết.

Tài sản chung: Không giải quyết.

Về án phí: Ông L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền: Bà Phạm Thị C, hiện đang cư trú tại K, Hải Phòng, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, Hải phòng (Điều 29, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự).

[2] Về tố tụng: Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bà Phạm Thị C vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Phạm Thị C.

[3] Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về ly hôn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hữu L và bà Phạm Thị C chung sống với nhau từ năm 1976. Do mâu thuẫn gia đình, ông L và bà C sống ly thân từ năm 1994 cho đến nay, mỗi người một nơi, không có trách nhiệm gì với nhau, theo ông L thì ông L và bà C không có đăng ký kết hôn, bà C cho rằng bà C và ông L có đăng ký kết hôn vào năm 1976 tại UBND xã Bắc Hà, thị xã K, Giấy đăng ký kết hôn do ông L quản lý. Tòa án đã yêu cầu ông L cung cấp Giấy đăng ký kết hôn, ông L khẳng định ông L và bà C không có đăng ký kết hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND phường P, K thể hiện: Đối với các sổ đăng ký kết hôn từ năm 1989 trở về trước do Phòng Tư pháp quận K lưu giữ quản lý. Ngày 24/8/2018, Phòng tư pháp quận K có Công văn số 297/TP ngày 03/10/2018 cung cấp qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ hộ tịch đăng ký kết hôn do cơ quan quản lý cho thấy: Sổ gốc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Hà, thị xã K năm 1976 bị thất lạc.

Tại khoản 4 Điều 2 Thông tư 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP quy định: "4. Người đang có vợ hoặc có chồng" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình là người thuộc một trong các trường hợp sau đây:

b) Người xác lập quan hệ vợ chồng với người khác trước ngày 03-01-1987 mà chưa đăng ký kết hôn và chưa ly hôn hoặc không có sự kiện vợ (chồng) của họ chết hoặc vợ (chồng) của họ không bị tuyên bố là đã chết.

Như vậy ông L và bà C chung với nhau năm 1976, mặc dù không có tài liệu nào chứng minh ông L và C có đăng ký kết hôn, tuy nhiên căn cứ vào các điều kiện nêu trên thì ông L và bà C là vợ chồng và đủ điều kiện để công nhận quan hệ hôn nhân là hợp pháp, Quan hệ hôn nhân này được xác lập kể từ khi hai người sống chung với nhau như vợ chồng.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, có đủ cơ xác định hôn nhân giữa ông L và bà C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy ông L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông L và bà C là có cơ sở cần chấp nhận cho ly hôn giữa ông L và bà C.

Ông L khởi kiện ngày 25/6/2018, ngày Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu Lc, vì vậy cần áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[5] Về cong chung: Bà C và ông L có 03 con là Trần Hữu T, sinh năm 1978 (đã chết); Trần Thị H1, sinh năm 1981; Trần Thị H, sinh năm 1991 các cháu đã trưởng thành, có gia đình riêng, ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Tài sản chung: Ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Bà C cho rằng ông L đang chung sống như vợ chồng với bà Đoàn Thị Bông, ở tại tổ Thi Đua 1, T, K, Hải Phòng, nhưng không có tài liệu nào chứng minh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí: Ông L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 147; Điều 273; Điều 278 Bộ luật Tố Tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 42 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Cho ly hôn giữa ông Trần Hữu L và và Phạm Thị C

Về con chung: Bà C và ông L có 03 con là Trần Hữu T, sinh năm 1978 (đã chết); Trần Thị H1, sinh năm 1981; Trần Thị H, sinh năm 1991 các cháu đã trưởng thành, ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Trần Hữu L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: AA/2014 số 0010155 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, Hải Phòng.

Quyền kháng cáo: Ông Trần Hữu L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Phạm Thị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Phòng Tư pháp UBND quận K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Thị Nhân

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Bùi Thị Bình	**Vũ Văn Lẫy**	**Sơn Thị Nhân**